

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 87/2023/HS-ST

Ngày: 29-9-2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Dân

2. Bà Bùi Thị Bích Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 85/2023/TLST-HS, ngày 08/9/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HS, ngày 15/9/2023 đối với bị cáo:

**Trần Đức T;** sinh ngày: 25/3/1998; Tại: thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T1; con bà: Nguyễn Thị H; Vợ: Nguyễn Thu T2; Có 02 con (Con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022); Bị tạm giữ từ ngày 20/02/2023 đến ngày 01/3/2023, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến ngày 04/7/2023 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:** Anh Nguyễn Văn N; sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Khu phố P, TT V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

**-Người làm chứng:** Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm: 1961

Nơi cư trú: Khu phố P, TT V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức T anh Nguyễn Văn N có quan hệ quen biết nhau từ trước. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20/02/2023, Trần Đức T đi một mình từ nhà ở của mình đến quán nhà ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1961 ở cùng khu phố thì gặp anh Nguyễn Văn N và một

số người khác đang ăn cháo đêm. Lúc này, T và anh N có nói chuyện với nhau về việc trước đây bố T là ông Trần Văn T1, sinh năm 1975, trú cùng khu phố có nợ tiền anh N nhưng chưa trả. Do trước đó, vào tối ngày 19/02/2023 anh N có đến nhà T tìm gặp ông T1 để đòi tiền, do ông T1 chưa có tiền nên xin khất với N nhưng N không đồng ý mà yêu cầu ông T1 phải trả ngay nên giữa hai bên xảy ra cãi cọ với nhau, khi đó T cũng có ở nhà nên đã xảy ra mâu thuẫn với N. Tại quán nhà ông Đ, T có nói với anh N là để T trả nợ hộ cho ông T1 nhưng anh N không đồng ý và trả lời “ông ấy nợ thì để ông ấy trả, bạn có nợ tiền của tôi đâu, nếu bạn có tiền thì bạn đưa cho ông C (bố của T) trả cho tôi”. Nghe anh N nói như vậy, T không đồng ý và tiếp tục đòi trả tiền cho anh N, anh N tiếp tục nói lại với T “ai nợ thì người đó trả, giờ tôi phải về đi ngủ, mai có việc phải đi sớm” và đi về phía cửa nhà ông Đ để ra về. Lúc này, T bực tức vì trước đó N đã cãi nhau chửi bới với bố mình và khi T trả tiền N có lời nói khinh thường mình nên lấy trong người ra 01 (một) con dao dạng dao gọt vỏ hoa quả, lưỡi kép cầm ở tay đi về phía anh N rồi đâm một phát trúng vào vùng vai trái phía sau của anh N làm anh N bị thương. Khi nhìn thấy anh N bị thương, chảy máu, T không đâm anh N nữa mà cầm dao định đi về nhà thì anh N lao vào giằng co, vật lộn, xô xát với T. Do lúc này T vẫn cầm dao ở tay nên quá trình anh N lao vào giằng co, vật lộn với T dẫn đến vùng cằm phía sau đầu và vùng hông bên trái của anh N va chạm với con dao T cầm, làm anh N bị thương. Lúc này, những người ở quán đang ngồi gần đó chạy đến can ngăn không cho T và N giằng co xô xát nhau nữa nên cả hai dừng lại, T cầm dao bỏ đi rồi vứt con dao trên dọc đường đi về nhà. Anh N bị thương được những người gần đó đưa đi cấp cứu tại BVĐK huyện T. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Đức T đến Công an huyện T để đầu thú về hành vi phạm tội.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 20/02/2023, tại Bệnh viện Đa khoa huyện T đối với anh Nguyễn Văn N, ghi nhận các vết thương như sau:

- 01 (một) vết thương vùng cằm sau đầu, vết thương sâu sát xương, kích thước (1x0,5) cm, bờ mép sắc gọn;
- 01 (một) vết thương vùng bả vai trái, kích thước (6x1) cm, bờ mép sắc gọn;
- 01 (một) vết thương bên hông trái, kích thước (2x1) cm, bờ mép sắc gọn.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 354/2023/TgT ngày 01/3/2023 của Trung tâm P kết luận: Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Văn N là 18% (mười tám phần trăm).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trần Đức T đã thành khẩn khai báo hành vi cố ý gây thương tích cho Nguyễn Văn N như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với vị trí, đặc điểm thương tích trên thân thể người bị hại, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

**Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động cùng gia đình bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài số tiền đã nhận, anh N không yêu cầu thêm khoản chi phí nào khác. Do đó, đại diện VKS không đề nghị xem xét.

Đối với 01 (một) con dao, dạng dao gọt vỏ hoa quả, lưỡi kép, Trần Đức T khai báo là dao của T, trước đó, khi gọt hoa quả tại nhà, T tiện tay nên cất luôn vào trong người, sau khi dùng con dao này gây thương tích cho anh N, T đã vứt con dao này dọc đường đi về nhà, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Tại bản cáo trạng số 87/CT-VKSTT, ngày 08/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Trần Đức T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 27 tháng đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Tại phần tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội cải tạo, sửa chữa lỗi lầm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc bỏ của bị cáo nợ tiền của anh N, anh N đã đến nhà bị cáo đòi nợ, dẫn đến việc to tiếng cãi vã. Vào 00 giờ 30 phút ngày 20/02/2023, tại quán ăn đêm của ông Nguyễn Duy Đ giữa T và N tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên Trần Đức T đã dùng 01 (một) con dao dạng dao gọt vỏ hoa quả, lưỡi kép cầm ở tay phải đâm một phát trúng vào vùng vai trái phía sau của anh N làm anh N bị thương. Khi nhìn thấy anh N bị thương, chảy máu, T không đâm anh N nữa mà cầm dao định đi về nhà thì anh N lao vào giằng co, vật lộn, xô xát với T. Do lúc này T vẫn cầm dao ở tay nên quá trình anh N lao vào giằng co, vật lộn với T dẫn đến vùng cằm phía sau đầu và vùng hông bên trái của anh N va chạm với con dao T đang cầm, sau đó, những người có mặt tại quán can ngăn nên cả hai dừng lại. Hậu quả, anh N bị thương và bị tổn hại 18% sức khỏe. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận, hành vi của bị cáo Trần Đức T đã phạm vào điểm đ, khoản 2 Điều 134 BLHS. Cáo trạng mà VKS nhân dân huyện T truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và 04 tình tiết giảm nhẹ là “Tự nguyện

bồi thường, khắc phục hậu quả”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt” và “Đầu thú” quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[4]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án hình sự có tính chất nghiêm trọng do Trần Đức T thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 04 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng. Do đó, HĐXX nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), người bị hại không yêu cầu thêm nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đức T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 54 (Năm mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đức T cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc Trần Đức T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Hải**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Dần**

**Bùi Thị Bích Thủy**

**Bùi Văn Hải**